ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 208 /BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 21 tháng 5 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn xã Đại Đồng

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện Công văn số 2926/SYT-BTXH&PCTNXH ngày 18/5/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 815/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên năm 2026 trên địa bàn xã như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Sau khi Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên được ban hành và văn bản hướng dẫn số 219/HD-SYT ngày 14/01/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên, Đảng ủy và UBND xã Đại Đồng xác định đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong công tác an sinh xã hội tại địa phương.

UBND xã đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện, giao trách nhiệm công chức chuyên môn làm đầu mối thực hiện.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo luôn bám sát các tiêu chuẩn pháp lý, đề cao nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm tất cả các khâu từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định đến xét duyệt đều được thực hiện đúng quy định, đúng đối tượng.

2. Công tác tuyên truyền

Nhằm đưa chính sách của Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND đi sâu vào đời sống nhân dân, UBND xã đã chủ động triển khai qua nhiều hình thức thông tin, truyền thông.

Cơ quan chuyên môn đã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã tăng cường phổ biến rộng rãi nội dung Nghị quyết.

UBND xã đã giao phòng chuyên môn phối hợp với các trưởng thôn thực hiện rà soát, thông báo đến từng hộ gia đình thuộc đối tượng được thụ hưởng về quyền lợi, đặc biệt chú trọng các nhóm đối tượng đặc thù như người cao tuổi không có người phụng dưỡng, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, giúp người dân hiểu rõ và chủ động phối hợp thực hiện quyền lợi hợp pháp của mình.

3. Công tác phối hợp

Các phòng chuyên môn đã phối hợp trong công tác triển khai, thực hiện. Trong đó, phòng Văn hóa - Xã hội đóng vai trò chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an xã để đối chiếu, xác minh thông tin cư trú trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phối hợp với phòng Kinh tế để tiến hành rà soát, đối chiếu danh sách các đối tượng đủ điều kiện thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy trình thực hiện

Thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đảm bảo đúng quy trình qua Trung tâm phục vụ Hành chính công, sau đó chuyển phòng chuyên môn thực hiện thẩm định, giải quyết theo quy định.

2. Tiến độ thực hiện

Ngay sau khi có hướng dẫn của Sở Y tế, UBND xã đã khẩn trương chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện công tác rà soát, lập danh sách đối tượng. Với tinh thần làm việc khẩn trương, trách nhiệm, địa phương đã thực hiện bảo đảm việc chi trả chế độ an sinh xã hội được vận hành thông suốt, kịp thời, không có hồ sơ bị tồn đọng hay giải quyết quá hạn. Tính đến thời điểm tháng 5/2026, toàn bộ công tác quản lý đối tượng, cập nhật biến động và thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND đã hoàn thành đúng tiến độ đề ra, kịp thời đưa chính sách nhân văn của tỉnh đi vào cuộc sống, hỗ trợ đắc lực cho các đối tượng yếu thế tại địa phương.

3. Kết quả thực hiện (Tính từ tháng 1/2026 đến tháng 5/2026)

Qua quá trình triển khai rà soát chủ động và thẩm định hồ sơ kỹ lưỡng, tính đến tháng 5/2026, trên địa bàn phường Sơn Nam đã ghi nhận và tổ chức thực hiện chi trả chế độ chính sách trợ giúp xã hội cho tổng số **164** đối tượng bảo trợ xã hội thuộc các diện đặc thù. Tổng kinh phí đã thực hiện giải ngân chi trả trong giai đoạn từ tháng 1/2026 đến tháng 5/2026 là **1.351.250.000 đồng** *(Một tỷ, ba trăm năm mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

(Số liệu chi tiết theo biểu tổng hợp đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm toàn diện của Đảng và Nhà nước đối với công tác an sinh xã hội tại địa phương. Chính sách thể hiện được sự quan tâm đặc biệt đến các đối tượng yếu thế, người gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã, góp phần ổn định đời sống và củng cố niềm tin của nhân dân vào các chính sách an sinh của địa phương.

- Công tác triển khai luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, kịp thời từ các cơ quan ban ngành cấp trên, đặc biệt là hướng dẫn chuyên môn của Sở Y tế.

- Đội ngũ cán bộ, công chức từ cấp xã đến các thôn có tinh thần trách nhiệm cao, giúp cho việc rà soát, thẩm định hồ sơ từ cơ sở đảm bảo tiến độ, không để xảy ra hiện tượng tiêu cực hay chậm trễ trong khâu tiếp nhận.

2. Khó khăn, tồn tại hạn chế

- Số lượng đối tượng bảo trợ xã hội, đặc biệt là nhóm người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, người cao tuổi cô đơn trên địa bàn có sự biến động về mặt cư trú, tình trạng sức khỏe và hoàn cảnh kinh tế (biến động hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Điều này gây ra những áp lực nhất định cho công chức chuyên môn trong việc theo dõi, cập nhật và quản lý dữ liệu đối tượng một cách liên tục, chính xác theo thời gian thực.

- Quy trình xác minh điều kiện nhân thân đối với nhóm đối tượng đặc thù (như người cao tuổi không có vợ/chồng, con, cháu phụng dưỡng hoặc có nhưng đang hưởng trợ cấp hàng tháng) gặp nhiều rào cản pháp lý. Việc thu thập minh chứng, lục tìm tàng thư hộ tịch hoặc xác minh các mối quan hệ gia đình của đối tượng tại các địa phương khác tốn nhiều thời gian và công sức, ảnh hưởng đến thời gian hoàn thiện hồ sơ ban đầu.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan: Do các quy định ràng buộc pháp lý của chính sách đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối, không cho phép có sai sót về mặt đối tượng và hồ sơ minh chứng. Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và phần mềm chuyên ngành bảo trợ xã hội đôi lúc chưa thực sự đồng bộ đồng thời, dẫn đến việc tra cứu thông tin di biến động, mối quan hệ nhân thân của công dân ở tỉnh ngoài hoặc địa phương khác còn khó khăn.

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác trao đổi, phối hợp thông tin liên tỉnh, liên xã đối với những trường hợp nhân thân của đối tượng cư trú ở xa đôi lúc còn mang tính thủ công, chưa thể tối ưu hóa bằng công nghệ, dẫn đến một vài bộ hồ sơ phức tạp cần nhiều thời gian thẩm tra thực tế hơn dự kiến.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, toàn diện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đề xuất, kiến nghị một số giải pháp sau:

- Đề nghị Sở Y tế phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp tục quan tâm, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về mặt nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp cơ sở. Trong đó, tập trung hướng dẫn, tháo gỡ và thống nhất phương thức xử lý đối với những bộ hồ sơ đặc thù, phức tạp (đặc biệt là quy trình, thủ tục xác minh tàng thư hộ tịch và các mối quan hệ nhân thân liên tỉnh của người cao tuổi cô đơn).

- Kiến nghị cấp trên xem xét nâng cấp, hoàn thiện hoặc liên thông đồng bộ hệ thống phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc này sẽ giúp địa phương khai thác tối đa dữ liệu số, dễ dàng tra cứu biến động cư trú, cắt giảm các thủ tục xác minh bằng văn bản giấy tờ thủ công, từ đó rút ngắn tối đa thời gian thẩm định và đẩy nhanh tiến độ giải quyết quyền lợi cho nhân dân.

Trong thời gian tới UBND xã sẽ tiếp tục chỉ đạo phòng Văn hóa - Xã hội là đơn vị chủ trì, chủ động phối hợp chặt chẽ với phòng Kinh tế, Công an xã, Trạm Y tế và các thôn tổ chức rà soát định kỳ, thường xuyên cập nhật danh sách biến động của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo/thoát cận nghèo. Quyết tâm không để xảy ra tình trạng bỏ sót đối tượng đủ điều kiện hoặc chậm trễ trong việc lập hồ sơ thụ hưởng chính sách.

Tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND đến từng địa bàn dân cư bằng nhiều hình thức, dễ hiểu. Chú trọng phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên...) trong việc phát hiện, giúp đỡ các đối tượng yếu thế hoàn thiện thủ tục hành chính.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện và các đề xuất, kiến nghị giải pháp trong thời gian tới đối với việc thực hiện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND trên địa bàn xã Đại Đồng, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Sở Y tế tỉnh Hưng Yên tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T. HƯNG YÊN

Trần Văn Thành

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 815/2025/NQ-HDND

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Đại Đồng)

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Số đối tượng (thời điểm tháng 5/2026)	Kinh phí thực hiện (đ) (Từ tháng 1/2026 đến tháng 5/2026)
II	**TỔNG CỘNG**	**164**	**1.351.250.000**
1	**Người cao tuổi quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP**		
	Từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi	0	0
	Từ đủ 80 tuổi trở lên	0	0
2	**Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo không có vợ (chồng), không có con, không có cháu gọi bằng ông (bà) nội, ông (bà) ngoại hoặc có vợ (chồng), có con, có cháu gọi bằng ông (bà) nội, ông (bà) ngoại nhưng những người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng**	**6**	**67.500.000**
2.1	Trợ cấp xã hội hàng tháng		
	Từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi	6	67.500.000
	Từ đủ 80 tuổi trở lên	0	0
2.2	Hỗ trợ chi phí mai táng	0	0
3	**Người khuyết tật đặc biệt nặng quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo**	**12**	**120.000.000**
	Dưới 16 tuổi	2	20.000.000
	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	8	70.000.000
	Từ đủ 60 tuổi trở lên	3	30.000.000
4	**Người khuyết tật đặc biệt nặng quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo**	**104**	**850.000.000**

	Dưới 16 tuổi	9	78.750.000
	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	48	360.000.000
	Từ đủ 60 tuổi trở lên	47	411.250.000
5	**Người khuyết tật nặng quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ nghèo**	**18**	**161.250.000**
	Dưới 16 tuổi	1	10.000.000
	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	15	131.250.000
	Từ đủ 60 tuổi trở lên	2	20.000.000
6	**Người khuyết tật nặng quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ cận nghèo**	**23**	**152.500.000**
	Dưới 16 tuổi	2	15.000.000
	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	16	100.000.000
	Từ đủ 60 tuổi trở lên	5	37.500.000